

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2023/DS-PT
Ngày 17-11-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản; hợp đồng dịch vụ; bồi
thường thiệt hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Châu;
Ông Lưu Hữu Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán, hợp đồng dịch vụ và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 137/2023/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 265/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 295/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hợp tác xã N; trụ sở: Số B, ấp S, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thành B, là Chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã N (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh V, là Giám đốc Hợp tác xã N; nơi cư trú: Khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 08/12/2022) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Ngọc M, là Luật sư của Đoàn Luật sư tỉnh A (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Vũ L, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ C, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Phan Thành B, sinh năm 1978, là Chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã N; nơi cư trú: Số B, ấp S, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Vũ L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Hợp tác xã N (sau đây gọi viết tắt là HTX) do người đại diện trình bày:

HTX và ông Nguyễn Vũ L (sau đây gọi tắt là ông L) có ký kết hợp đồng liên kết sản xuất lúa vụ Hè Thu năm 2022 theo Hợp đồng liên kết số 16/HĐ-LKSX ngày 15/4/2022 và Phụ lục số 01 ngày 15/4/2022.

Nội dung thỏa thuận: HTX cung ứng cho ông L vật tư nông nghiệp (như: Lúa giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) và các loại dịch vụ khác về sản xuất lúa; chủng loại giống lúa là OM18, gieo trồng trên diện tích 100ha đất của ông L (tại xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang); HTX thu mua toàn bộ sản lượng lúa thu hoạch được theo giá do 02 bên thỏa thuận trước khi thu hoạch 07 đến 10 ngày (theo giá lúa tươi); nếu không thỏa thuận được giá mua bán lúa, thì 02 bên thống nhất chỉ định bên thứ 3 chốt giá; trường hợp HTX mua lúa của ông L, thì HTX sẽ trừ giá trị vật tư nông nghiệp và dịch vụ do HTX cung ứng cho ông L, số tiền còn lại sẽ hoàn trả cho ông L.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L canh tác 635 công đất; HTX giao vật tư nông nghiệp cho ông L nhận, gồm: Lúa giống OM18, các loại phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, tổng trị giá là 1.037.644.080đ.

Ngày 26/8/2022 thu hoạch lúa vụ Hè Thu năm 2022, ông L không đồng ý bán lúa cho HTX, ông L bán lúa cho người khác nhưng ông L không trả cho HTX tiền vật tư nông nghiệp do HTX đã cung ứng cho ông L; HTX yêu cầu ông L đối chiếu các khoản chi phí do HTX đã đầu tư cho ông L sản xuất lúa nhưng ông L né tránh và không hợp tác.

Ngoài ra, ông L chưa trả cho HTX tiền công gặt lúa vụ Đông Xuân năm 2021-2022 là 140.033.000đ (221.000đ/công x 635 công đất); tuy nhiên, do HTX còn nợ tiền mua lúa của ông L vụ Đông X là 43.306.550đ nên trừ tiền mua lúa vào công gặt lúa, thì ông L còn nợ HTX số tiền 97.028.450đ.

HTX khởi kiện yêu cầu ông L phải trả cho HTX các khoản, gồm: Giá trị vật tư nông nghiệp vụ Hè Thu năm 2022 là 1.037.644.080đ và dịch vụ gặt lúa vụ Đông Xuân năm 2021-2022 là 97.028.450đ, tổng cộng là 1.134.672.530đ.

Ngày 30/6/2023, HTX rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền 1.383.680đ. HTX yêu cầu ông L trả 1.133.288.850đ (gồm: Dịch vụ gặt lúa vụ Đông Xuân năm 2021-2022 là 97.028.450đ và giá trị vật tư nông nghiệp vụ Hè

thu năm 2022 là 1.036.260.400đ).

HTX không đồng ý yêu cầu phản tố của ông L về yêu cầu bồi thường thiệt hại phân bón kém chất lượng, vì HTX không giao phân bón kém chất lượng cho ông L.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông L trình bày:

Vụ Thu Đông năm 2021, ông Phan Thành B (sau đây gọi tắt là ông B) là Chủ tịch Hội đồng quản trị HTX có bán cho ông L 130 bao phân kém chất lượng, làm giảm sản lượng lúa thu hoạch vụ Thu Đông năm 2021 là 330 tấn (đối với 100ha đất) $\times 6.000.000\text{đ}/\text{tấn} = 1.980.000.000\text{đ}$. Ông B có hứa bằng lời nói sẽ bồi thường thiệt hại bằng số lượng vật tư nông nghiệp của vụ Hè Thu năm 2022.

Sang vụ Đông Xuân năm 2021-2022, ông L và HTX có ký kết hợp đồng liên kết sản xuất lúa; hợp đồng đã thực hiện nhưng ông L còn nợ HTX tiền công gặt lúa 635 công $\times 205.000\text{đ}/\text{công} = 130.175.000\text{đ}$; HTX còn ông L tiền mua lúa là 43.306.550đ; ông B có mượn 5.000.000đ của ông L để mua dây curo. Do đó, trừ tiền mua lúa 43.306.550đ và tiền ông B mượn 5.000.000đ, thì ông L còn nợ HTX tiền công gặt lúa vụ Đông Xuân năm 2021-2022 là 81.869.000đ. Nay ông L đồng ý trả cho HTX 81.869.000đ.

Sang vụ Hè Thu năm 2022, ông L và HTN tiếp tục ký hợp đồng liên kết theo Hợp đồng liên kết số 16/HĐ-LK SX ngày 15/4/2022 và Phụ lục số 01 ngày 15/4/2022 như nguyên đơn trình bày.

Tại vụ Hè Thu năm 2022, ông B là Chủ tịch Hội đồng quản trị HTX có giao cho ông L nhận số lượng vật tư nông nghiệp là lúa giống, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật như HTX trình bày nhưng đây là phần đền bù thiệt hại của 130 bao phân bón kém chất lượng do HTX bán cho ông L vào vụ T 2021. Nay ông L không đồng ý trả tiền vật tư nông nghiệp vụ Hè Thu năm 2022 cho HTX.

Ông L phản tố yêu cầu HTX phải bồi thường thiệt hại về sản lượng lúa vụ Thu Đ năm 2021 do HTX bán 130 bao phân bón kém chất lượng, số lượng lúa bị giảm là 330 tấn $\times 6.000.000\text{đ}/\text{tấn} = 1.980.000.000\text{đ}$.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L rút yêu cầu phản tố đối với HTX.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B trình bày:

Ông L và HTX có ký hợp đồng liên kết sản xuất lúa như HTX trình bày. Quá trình ông L có nhận lúa giống, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của HTX giao để thực hiện theo Hợp đồng liên kết số 16/HĐ-LK SX ngày 15/4/2022 và Phụ lục số 01 ngày 15/4/2022. Sản lượng lúa thu hoạch, ông L bán cho người khác nhưng ông L không trả tiền vật tư nông nghiệp cho HTX. Nay HTX khởi kiện là đúng.

Trước vụ Hè Thu năm 2022, ông L biết ông B thường mua phân bón của Công ty để sử dụng cho cá nhân gia đình ông B nên ông L nhờ ông B giới thiệu với Công ty để ông L mua phân bón với giá ưu đãi; việc mua bán phân bón là do

ông L với Công ty T; ông L và Công ty tự giao nhận hàng hóa; ông B không biết và không liên quan. Sau khi sử dụng phân bón cho lúa, ông L có thông tin lại cho ông B biết là phân bón kém chất lượng, ảnh hưởng đến sản lượng lúa thu hoạch; ông L có nhờ ông B liên với Công ty để giải quyết bồi thường; ông B cũng thông tin với ông L là gia đình ông B sử dụng phân bón cũng bị thiệt hại sản lượng lúa; ông B có liên hệ với Công ty nhưng Công ty không phản hồi ý kiến.

Ông B không thừa nhận HTX bán phân bón cho ông L như ông L trình bày; ông B không thừa nhận có mượn 5.000.000đ của ông L mua dây curo như ông L trình bày.

Ông B không đồng ý yêu cầu phản tố của ông L đối với HTX.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 137/2023/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang quyết định:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của HTX về việc buộc ông L thanh toán số tiền 1.383.680đ.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của HTX về việc buộc ông L thanh toán số tiền 1.133.288.850đ; trong đó: Vật tư nông nghiệp là 1.036.260.400đ và công cấy lúa là 97.028.450đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 07/8/2023, ông L nộp đơn kháng cáo, không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, lý do: HTX và ông L có ký hợp đồng liên kết nhưng ông L không nhận hàng hóa của HTX và không ký công nợ với HTX.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: HTX giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; HTX không đồng ý kháng cáo của ông L.

- Bị đơn ông L trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông B: vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông L; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 137/2023/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của

ông L về yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 1.530.000.000đ. Buộc ông L phải thanh toán cho HTX số tiền 1.112.928.450đ. Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 45.387.853đ. HTX phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.018.000đ. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không sửa, giữ nguyên. Ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông L nộp đơn kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông B vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về giá dịch vụ gặt lúa vụ Đông Xuân năm 2021-2022:

HTX và ông L thống nhất việc ông L chưa trả cho HTX tiền công gặt lúa vụ Đông Xuân năm 2021-2022 đối với 635 công đất; HTX và ông L thống nhất việc HTX chưa trả tiền mua lúa cho ông L là 43.306.550đ.

Xét thấy, tuy HTX và ông L không thỏa thuận về giá dịch vụ gặt lúa vụ Đông Xuân năm 2021-2022 nhưng HTX căn cứ vào Thông báo số: 04/TB ngày 11/10/2021 do Liên hiệp Hợp tác xã N thông báo giá dịch vụ gặt đập liên hợp tại địa bàn huyện T từ ngày 01/10/2021 đến ngày 30/3/2022 là 221.000đ/công là có căn cứ.

Ông L phản đối giá dịch vụ gặt lúa vụ Đông Xuân năm 2021-2022 221.000đ/công, ông L yêu cầu áp dụng giá 205.000đ/công nhưng ông L không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến phản đối giá 221.000đ/công; ông L không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc HTX và ông L có thỏa thuận giá 205.000đ/công.

Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của HTX, buộc ông L có nghĩa vụ trả cho HTX tiền công gặt lúa vụ Đông Xuân năm 2021-2022 với số tiền 97.028.450đ (sau khi đã trừ số tiền mua lúa 43.306.550đ do HTX chưa trả cho ông L) là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 519 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về phần vật tư nông nghiệp vụ Hè Thu năm 2022:

HTX và ông L thống nhất có ký Hợp đồng liên kết số 16/HĐ-LKSX ngày 15/4/2022 và Phụ lục số 01 ngày 15/4/2022. Như vậy, HTX và ông L xác lập thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, khoản 1 Điều 119, Điều 385, Điều 513 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 và khoản 2 Điều 3, khoản 4 Điều 4, Điều 5 Nghị định số 98/2018/CP

ngày 05/7/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Tại đơn phản tố của ông L đề ngày 08/3/2023, ông L trình bày thừa nhận có nhận số lượng các loại vật tư nông nghiệp vụ Hè Thu năm 2022 của HTX như HTX trình bày.

Tại phiên hòa giải ngày 07/6/2023, ông L thừa nhận có nhận số lượng các loại vật tư nông nghiệp do HTX giao, gồm: 12 tấn lúa giống OM18 XN1; 480 bao phân lạnh (mỗi bao 25kg); 300 bao phân DAP (bao 50kg); 200 bao phân Kali (mỗi bao 50kg); 1.280 gói thuốc ốc Anpuma; 48 chai thuốc cỏ Meco 60EC; 120 gói thuốc trừ bệnh Angate.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L và người đại diện của HTX thống nhất về chủng loại và số lượng vật tư nông nghiệp như bản án sơ thẩm nhận định.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HTX không phải chứng về chủng loại và số lượng vật tư nông nghiệp.

Quá trình thực hiện hợp đồng liên kết, ông L không bán lúa cho HTX, ông L bán lúa cho người khác nhưng ông L không trả giá trị vật tư nông nghiệp do HTX đã cung ứng cho ông L sản xuất lúa vụ Hè Thu năm 2022. Như vậy, ông L không thực hiện đúng thỏa thuận là vi phạm Điều 410, khoản 2 Điều 515 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 và khoản 6 Điều 14 Nghị định số: 98/2018/CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L trình bày: *“Hợp đồng liên kết số 16/HĐ-LKSX ngày 15/4/2022 và Phụ lục số 01 ngày 15/4/2022 có ký kết nhưng sau đó các bên thống nhất hủy bỏ”*. Tuy nhiên, người đại diện của HTX không thừa nhận lời khai của ông L; ông L không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc các bên đã hủy bỏ Hợp đồng liên kết số 16/HĐ-LKSX ngày 15/4/2022 và Phụ lục số 01 ngày 15/4/2022. Căn cứ khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời khai phản đối của ông L.

Do đó, cấp sơ thẩm xác định ông L có nhận số lượng các loại vật tư nông nghiệp như HTX trình bày là có cơ sở.

Tại cấp phúc thẩm, ông L có yêu cầu Tòa án thu thập giá vật tư nông nghiệp của cơ quan, tổ chức thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh A.

Cấp phúc thẩm đã thu thập tài liệu chứng cứ do Trung tâm Khuyến nông tỉnh A cung cấp tại Công văn số: 744/TTKN-TTQBXTTM ngày 02/11/2023 thông tin về giá vật tư nông nghiệp vụ Hè Thu năm 2022 như sau: Lúa giống loại OM 18 XN1, giá 16.700đ/kg; phân DAP 18-46-0 nâu (bao 50kg), giá khoảng 20.160đ/kg; thuốc ốc Anpuma (01 thùng 320 gói, gói 35gr), giá 45.000đ/gói; thuốc cỏ Meco 60EC (01 thùng 12 chai, chai 01 lít), giá 200.000đ/chai; thuốc trừ bệnh Angate 75WP (01 thùng 60 gói, gói 100gr), giá 50.000đ/gói.

Trung tâm khuyến nông tỉnh A không có thông tin về giá phân Ure Black 45H (bao 25kg) và Phân Kali Israel miềng đỏ (bao 50kg). Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ giá bán của Công ty TNHH L1 làm cơ sở xác định giá phân Ure Black 45H (bao 25kg) là 20.400đ/kg và phân Kali Israel miềng đỏ (bao 50kg) là 19.000đ/kg.

Cụ thể, giá trị vật tư nông nghiệp được tính như sau:

Loại vật tư	Số lượng	Giá	Thành tiền
Lúa giống OM18 XN1	12.000kg	16.700đ/kg	200.400.000đ
Phân Ure Black 45H (bao 25kg)	12.000kg	20.400đ/kg	244.800.000đ
Phân DAP 18-46-0 nâu (bao 50kg)	15.000kg	20.500đ/kg	307.500.000đ
Phân Kali Israel miềng đỏ (bao 50kg)	10.000kg	19.000đ/kg	190.000.000đ
Thuốc ốc Anpuma (01 thùng 320 gói, gói 35gr)	1.280 gói	45.000đ/gói	57.600.000đ
Thuốc cỏ Meco 60EC (01 thùng 12 chai, chai 01 lít)	48 chai	200.000đ/chai	9.600.000đ
Thuốc trừ bệnh Angate 75WP (01 thùng 60 gói, gói 100gr)	120 gói	50.000đ/gói	6.000.000đ
Tổng cộng			1.015.900.000đ

Vậy, tổng giá trị vật tư nông nghiệp HTX đã giao cho ông L nhận là 1.015.900.000đ.

Đối chiếu với yêu cầu của HTX là 1.036.260.400đ, thì chênh lệch tăng 20.360.400đ; HTX không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc có thỏa thuận với ông L hoặc có thông báo cho ông L biết về giá vật tư nông nghiệp vụ Hè Thu năm 2022 với tổng số tiền là 1.036.260.400đ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu của HTX về tổng giá trị vật tư nông nghiệp có cơ sở chấp nhận một phần với số tiền là 1.015.900.000đ.

[2.3] Từ những nhận định nêu trên, cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông L. Sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang; buộc ông L có nghĩa vụ trả cho HTX tiền công gặt lúa vụ Đông Xuân năm 2021-2022 là 97.028.450đ và trả tiền vật tư nông nghiệp vụ Hè Thu năm 2022 là 1.015.900.000đ, tổng cộng là 1.112.928.450đ.

[3] Những vấn đề cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm:

[3.1] Theo đơn khởi kiện ban đầu, HTX yêu cầu ông L trả số tiền 1.133.288.850đ; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, HTX rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.383.680đ. Tại phần quyết định của bản án, cấp sơ thẩm tuyên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của HTX đối với số tiền 1.383.680đ là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; tuy nhiên, tại mục [5] của bản án, cấp sơ thẩm nhận định nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là không đúng.

[3.2] Cấp sơ thẩm có thông báo thụ lý yêu cầu phản tố của ông L đối với HTX; tại phiên tòa sơ thẩm, ông L rút yêu cầu phản tố, cấp sơ thẩm có nhận định tại mục [7] của bản án; tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của ông L là không đúng theo quy định tại Điều 202, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau: HTX phải chịu án phí là 1.018.000đ (đối với một phần yêu cầu không được chấp nhận là 20.360.400đ); ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 45.388.000đ (đối với nghĩa vụ trả cho HTX số tiền 1.112.928.450đ).

[5] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Vũ L.
2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 137/2023/DS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang:
 - Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã N về yêu cầu ông Nguyễn Vũ L trả số tiền 1.383.680đ (một triệu ba trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi đồng).
 - Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Vũ L về yêu cầu Hợp tác xã N bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 1.530.000.000đ (một tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã N về yêu cầu ông Nguyễn Vũ L trả tiền vật tư nông nghiệp vụ Hè Thu năm 2022 với số tiền 20.360.400đ (hai mươi triệu ba trăm sáu mươi nghìn bốn trăm đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã N về yêu cầu ông Nguyễn Vũ L trả tiền công gặt lúa vụ Đông Xuân năm 2021-2022 và trả tiền vật tư nông nghiệp vụ Hè Thu năm 2022.

Buộc ông Nguyễn Vũ L có nghĩa vụ trả cho Hợp tác xã N tiền công gặt lúa vụ Đông Xuân năm 2021-2022 là 97.028.450đ và trả cho Hợp tác xã N tiền vật tư nông nghiệp vụ Hè Thu năm 2022 là 1.015.900.000đ. Tổng cộng là 1.112.928.450đ (một tỷ một trăm mười hai triệu chín trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Hợp tác xã N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.018.000đ (một triệu không trăm mười tám nghìn đồng), được trừ vào tạm ứng án phí 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0007995 ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang. Hợp tác xã N được nhận lại 21.982.000đ (hai mươi một triệu chín trăm tám mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0007995 ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

+ Ông Nguyễn Vũ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 45.388.000đ (bốn mươi lăm triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng), được trừ vào tạm ứng án phí dân sự 28.950.000đ (hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0008200 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang. Ông Nguyễn Vũ L còn phải nộp thêm số tiền 16.438.000đ (mười sáu triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Vũ L không phải chịu. Ông Nguyễn Vũ L được nhận lại tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0008450 ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- TAND huyện An Phú;
- Chi cục THADS huyện An Phú;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Ngọc Phi